

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
1	AAA	An Phát Bioplastics	50
2	ABT	Thủy sản Bến Tre	50
3	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	50
4	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	50
5	ACL	Thủy sản CL An Giang	50
6	ACG	Gỗ An Cường	50
7	ADS	Dệt sợi DAMSAN	50
8	AGG	Bất động sản An Gia	50
9	AGR	Agriseco	50
10	ANV	Thủy sản Nam Việt	50
11	ASM	Tập đoàn Sao Mai	50
12	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	50
13	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	50
14	BCM	Becamex IDC	50
15	BFC	Phân bón Bình Điền	50
16	BIC	Bảo hiểm BIDV	50
17	BKG	Đầu tư BKG Việt Nam	50
18	BMC	Khoáng sản Bình Định	50
19	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	50
20	BMP	Nhựa Bình Minh	50
21	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	50
22	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	50
23	BVS	Chứng khoán Bảo Việt	50
24	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	50
25	CAP	Lâm nông sản Yên Bái	50
26	CCL	ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long	50
27	CDC	Chương Dương Corp	50
28	CEO	Tập đoàn CEO	50
29	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	50
30	CLC	Thuốc lá Cát Lợi	50
31	CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	50
32	CNG	CNG Việt Nam	50
33	CRC	Create Capital Việt Nam	50
34	CSC	Tập đoàn COTANA	50
35	CSM	Cao su Miền Nam	50
36	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	50
37	CTD	Xây dựng Coteccons	50
38	CTF	City Auto	50
39	CTG	VietinBank	50
40	CTI	Cường Thuận IDICO	50
41	CTR	Công trình Viettel	50
42	CTS	Chứng khoán Vietinbank	50
43	CVT	CMC JSC	50
44	DBC	Tập đoàn DABACO	50
45	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	50
46	DC4	Dicera Holdings	50
47	DCM	Đạm Cà Mau	50
48	DGC	Hóa chất Đức Giang	50
49	DGW	Thế Giới Số	50
50	DHA	Hóa An	50
51	DHC	Đồng Hải Bến Tre	50
52	DHG	Dược Hậu Giang	50
53	DHM	Khoáng sản Dương Hiếu	50
54	DHT	Dược phẩm Hà Tây	50
55	DIG	DIC Corp	50
56	DL1	Tập đoàn Alpha 7	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
57	DNP	DNP Holding	50
58	DPG	Tập đoàn Đạt Phương	50
59	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	50
60	DPR	Cao su Đồng Phú	50
61	DRC	Cao su Đà Nẵng	50
62	DSN	Công viên nước Đà Sen	50
63	DTD	Đầu tư Phát triển Thành Đạt	50
64	DTK	Vinacomin Power	50
65	DVM	Dược liệu Việt Nam	50
66	DXG	Địa ốc Đất Xanh	50
67	DXP	Cảng Đoạn Xá	50
68	E1VFN30	Quỹ ETF DCVFMVN30	50
69	EIB	Eximbank	50
70	ELC	ELCOM	50
71	EVF	Tài chính Điện lực	50
72	FCN	FECON CORP	50
73	FMC	Thực phẩm Sao Ta	50
74	FPT	FPT Corp	50
75	FRT	Bán lẻ FPT	50
76	FTS	Chứng khoán FPT	50
77	FUESSVFL	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	50
78	GAS	PV Gas	50
79	GDT	Gỗ Đức Thành	50
80	GEE	Thiết bị điện GELEX	50
81	GEG	Điện Gia Lai	50
82	GEX	Tập đoàn Gelex	50
83	GMD	Gemadept	50
84	GSP	Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	50
85	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	50
86	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50
87	HAX	Ô tô Hàng Xanh	50
88	HCD	SX và Thương mại HCD	50
89	HCM	Chứng khoán HSC	50
90	HDB	HDBank	50
91	HDC	Phát triển Nhà BR-VT	50
92	HDG	Tập đoàn Hà Đô	50
93	HHP	HHP Global	50
94	HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	50
95	HHV	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50
96	HPG	Hòa Phát	50
97	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	50
98	HT1	VICEM Hà Tiên	50
99	HTI	PT Hạ tầng IDICO	50
100	HTN	Hưng Thịnh Incons	50
101	HUB	Xây lắp Huế	50
102	HUT	Tasco- CTCP	50
103	HVH	Đầu tư và Công nghệ HVC	50
104	IDC	IDICO	50
105	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	50
106	IDV	PT Hạ tầng Vĩnh Phúc	50
107	IJC	Becamex IJC	50
108	IMP	IMEXPHARM	50
109	INN	Bao bì và In Nông Nghiệp	50
110	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	50
111	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	50
112	KDC	Tập đoàn KIDO	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
113	KDH	Nhà Khang Điền	50
114	KHG	Tập đoàn Khai Hoàn Land	50
115	KOS	Công ty KOSY	50
116	KSB	Khoáng sản Bình Dương	50
117	KSV	Khoáng sản TKV	50
118	L14	Licogi 14	50
119	LAF	Chế biến Hàng XK Long An	50
120	LAS	Hóa chất Lâm Thao	50
121	LCG	LIZEN	50
122	LHG	KCN Long Hậu	50
123	LIX	Bột Giặt Lix	50
124	LPB	LPBank	50
125	LSS	Mía đường Lam Sơn	50
126	MBB	MBBank	50
127	MBS	Chứng khoán MB	50
128	MIG	Bảo hiểm Quân đội	50
129	MSB	MSB Bank	50
130	MSH	May Sông Hồng	50
131	MSN	Tập đoàn Masan	50
132	MWG	Thế giới di động	50
133	NAB	Ngân hàng Nam Á	50
134	NAF	Nafoods Group	50
135	NAG	Tập đoàn Nagakawa	50
136	NBB	577 CORP	50
137	NBC	Than Núi Béo	50
138	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	50
139	NET	Bột giặt Net	50
140	NHA	PT Nhà và Đô thị Nam HN	50
141	NHH	Nhựa Hà Nội	50
142	NKG	Thép Nam Kim	50
143	NLG	BDS Nam Long	50
144	NNC	Đá Núi Nhỏ	50
145	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	50
146	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	50
147	NTL	Đô thị Từ Liêm	50
148	NTP	Nhựa Tiền Phong	50
149	OCB	Ngân hàng Phương Đông	50
150	OPC	Dược phẩm OPC	50
151	PAC	Pin Ấc quy Miền Nam	50
152	PAN	Tập đoàn PAN	50
153	PC1	Tập đoàn PC1	50
154	PDR	BDS Phát Đạt	50
155	PET	Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50
156	PGC	Gas Petrolimex	50
157	PGI	Bảo hiểm PJICO	50
158	PHR	Cao su Phước Hòa	50
159	PLC	Hóa dầu Petrolimex	50
160	PLX	Petrolimex	50
161	PNJ	Vàng Phú Nhuận	50
162	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	50
163	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	50
164	PSD	Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50
165	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50
166	PVB	Bọc ống Dầu khí Việt Nam	50
167	PVC	Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	50
168	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
169	PVG	Kinh doanh LPG Việt Nam	50
170	PVI	Bảo hiểm PVI	50
171	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	50
172	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	50
173	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	50
174	REE	Cơ Điện Lạnh REE	50
175	S55	Sông Đà 505	50
176	S99	Sông Đà 9.09 (SCI)	50
177	SAB	SABECO	50
178	SAF	Thực Phẩm SAFOCO	50
179	SAM	SAM Holdings	50
180	SBA	Sông Ba JSC	50
181	SBG	Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	50
182	SBT	Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa	50
183	SCI	SCI E&C	50
184	SCR	TTC Land	50
185	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	50
186	SEB	Điện miền Trung	50
187	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	50
188	SGT	Sài Gòn Telecom	50
189	SHB	SHB	50
190	SHE	PT Năng Lượng Sơn Hà	50
191	SHI	Quốc tế Sơn Hà	50
192	SHS	Chứng khoán SG - HN	50
193	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	50
194	SJD	Thủy điện Cần Đơn	50
195	SJE	Sông Đà 11	50
196	SJS	SJ Group	50
197	SKG	Tàu Cao tốc Superdong	50
198	SLS	Mía đường Sơn La	50
199	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	50
200	SRC	Cao su Sao Vàng	50
201	SSB	SeABank	50
202	SSI	Chứng khoán SSI	50
203	STB	Sacombank	50
204	SVT	Công nghệ SG Viễn Đông	50
205	SZB	Sonadezi Long Bình	50
206	SZC	Sonadezi Châu Đức	50
207	SZL	Sonadezi Long Thành	50
208	TCB	Techcombank	50
209	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	50
210	TCL	Tan Cang Logistics	50
211	TCM	Dệt may Thành Công	50
212	TCO	TCO Holdings	50
213	TCT	Cáp treo Tây Ninh	50
214	TDC	Becamex TDC	50
215	TDM	Nước Thủ Dầu Một	50
216	TDP	Công ty Thuận Đức	50
217	THG	XD Tiền Giang	50
218	THT	Than Hà Tu	50
219	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	50
220	TLĐ	ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long	50
221	TLG	Tập đoàn Thiên Long	50
222	TMB	Than Miền Bắc - Vinacomin	50
223	TMS	Transimex	50
224	TNC	Cao su Thống Nhất	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
225	TNG	Đầu tư và Thương mại TNG	50
226	TNH	Tập đoàn Bệnh viện TNH	50
227	TPB	TPBank	50
228	TRA	Traphaco	50
229	TRC	Cao su Tây Ninh	50
230	TTA	XD và PT Trường Thành	50
231	TV2	Tư vấn XD Điện 2	50
232	TVB	Chứng khoán Trí Việt	50
233	TVD	Than Vàng Danh	50
234	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	50
235	TVT	May Việt Thắng	50
236	VC7	BGI Group	50
237	VCB	Vietcombank	50
238	VCG	VINACONEX	50
239	VCI	Chứng khoán Vietcap	50
240	VCS	VICOSTONE	50
241	VDP	Dược phẩm VIDIPHA	50
242	VDS	Chứng khoán Rồng Việt	50
243	VFS	Chứng khoán Nhất Việt	50
244	VGC	Tổng Công ty Viglacera	50
245	VGS	Ông thép Việt Đức	50
246	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	50
247	VHM	Vinhomes	50
248	VIB	VIBBank	50
249	VIC	VinGroup	50
250	VIP	Vận tải Xăng dầu VIPCO	50
251	VIX	Chứng khoán VIX	50
252	VJC	Vietjet Air	50
253	VND	Chứng khoán VNDIRECT	50
254	VNM	VINAMILK	50
255	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	50
256	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	50
257	VPB	VPBank	50
258	VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	50
259	VRC	Bất động sản và Đầu tư VRC	50
260	VRE	Vincom Retail	50
261	VSC	VICONSHIP	50
262	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	50
263	VTO	VITACO	50
264	VTP	Bưu chính Viettel	50